HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NQ-HĐND *(DỰ THẢO)*	*Hưng Yên, ngày tháng năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 300/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số .../BC-BPC ngày ... tháng ... năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; chỉ đạo rà soát, xử

lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung không phù hợp với Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày … tháng … năm … và có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm …

2. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 539/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chính sách hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên. Việc bãi bỏ này không làm phục hồi hiệu lực của các quy định tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 168/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên đã bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 539/2024/NQ-HĐND.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Nội vụ (Vụ Pháp chế); Tài chính (Vụ Pháp chế); Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, MTTQ Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử ĐBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV[PT].

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định:

1. Chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tương đương, tiến sĩ và tương đương đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

2. Chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh theo kế hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã.

2. Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã.

3. Cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh theo kế hoạch được phê duyệt.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách quy định tại Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm đúng chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng đối tượng, đúng thẩm quyền.

2. Việc hỗ trợ đào tạo phải xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, nhu cầu sử dụng và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị; không hỗ trợ đào tạo chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao trình độ cá nhân.

3. Đối với chính sách hỗ trợ đào tạo tại Chương II Quy định này, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm bố trí, phân công công việc phù hợp với ngành, chuyên ngành được đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức sau khi tốt nghiệp.

4. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo theo quy định tại Chương II Quy định này một lần đối với mỗi trình độ đào tạo. Trường hợp đối với cùng một khóa đào tạo, cá nhân đồng thời thuộc diện hưởng chính sách hỗ trợ có cùng nội dung theo Quy định này và theo nghị quyết khác của Hội đồng nhân dân tỉnh (nếu có) thì chỉ được hưởng một chính sách do cá nhân lựa chọn.

Chương II
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 4. Đối tượng được hỗ trợ đào tạo

1. Đào tạo trình độ cao đẳng

Viên chức thuộc đối tượng dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền, được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo trình độ cao đẳng sư phạm ngành Giáo dục Mầm non để bố trí làm giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn tỉnh, khi có nhu cầu bố trí và còn vị trí việc làm, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao.

2. Đào tạo trình độ đại học

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền, được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo trình độ đại học ngành, chuyên ngành đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Nhà giáo để bố trí làm giáo viên các môn học còn thiếu tại cơ sở giáo dục phổ thông công lập hoặc giáo viên mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn tỉnh, khi có nhu cầu bố trí và còn vị trí việc làm, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao.

3. Đào tạo trình độ thạc sĩ và tương đương

a) Giảng viên Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh; nhà giáo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý được cử đi đào tạo ngành, chuyên ngành phù hợp với môn học, lĩnh vực chuyên môn được phân công giảng dạy;

b) Giáo viên trường trung học phổ thông công lập thuộc tỉnh quản lý được cử đi đào tạo chuyên ngành phù hợp với môn học được phân công giảng dạy;

c) Công chức đảm nhiệm vị trí việc làm thuộc lĩnh vực y tế ở cấp tỉnh, cấp xã và viên chức tại đơn vị sự nghiệp y tế công lập thuộc tỉnh quản lý được cử đi đào tạo chuyên ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe phù hợp với vị trí việc làm và nhu cầu nhân lực của ngành y tế.

4. Đào tạo trình độ tiến sĩ và tương đương

a) Các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc hệ thống chính trị cấp tỉnh, cấp xã, kể cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền luân chuyển, điều động từ cơ quan, đơn vị cấp tỉnh đến công tác tại cơ quan, đơn vị cấp xã, được cử đi đào tạo ngành, chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ.

5. Để xác định trình độ đào tạo và mức hỗ trợ theo Quy định này, văn bằng bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp I được áp dụng như trình độ thạc sĩ và tương đương; văn bằng chuyên khoa cấp II được áp dụng như trình độ tiến sĩ và tương đương.

Điều 5. Điều kiện được hưởng hỗ trợ

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng quy định tại Điều 4 Quy định này được hưởng hỗ trợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Thuộc kế hoạch đào tạo của cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có quyết định cử đi đào tạo do cấp có thẩm quyền ban hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn cử đi đào tạo theo quy định của Đảng và pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức.

2. Có cam kết bằng văn bản, được lập trước khi được cử đi đào tạo, về việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, công vụ, hoạt động nghề nghiệp tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh trong thời gian ít nhất gấp 03 (ba) lần thời gian đào tạo theo quyết định cử đi đào tạo, kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp.

3. Tại thời điểm được cử đi đào tạo, không trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật, không trong thời gian thi hành kỷ luật.

4. Hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn ghi tại quyết định cử đi đào tạo hoặc văn bản điều chỉnh, gia hạn của cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo, nhưng không vượt quá thời gian đào tạo tối đa theo quy chế đào tạo của cơ sở đào tạo. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của pháp luật về giáo dục.

Điều 6. Mức hỗ trợ

Ngoài các khoản chi phí đào tạo và chế độ, chính sách được hưởng trong thời gian đi đào tạo theo quy định của pháp luật, cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 5 Quy định này sau khi được cấp bằng tốt nghiệp được hỗ trợ một lần như sau:

1. Đào tạo trình độ cao đẳng: 30.000.000 đồng/người.

2. Đào tạo trình độ đại học: 50.000.000 đồng/người.

3. Đào tạo trình độ thạc sĩ và tương đương: 100.000.000 đồng/người.

4. Đào tạo trình độ tiến sĩ và tương đương: 300.000.000 đồng/người.

Điều 7. Hoàn trả kinh phí hỗ trợ

1. Cán bộ, công chức, viên chức đã nhận kinh phí hỗ trợ theo Điều 6 Quy định này có trách nhiệm hoàn trả như sau:

a) Hoàn trả toàn bộ kinh phí đã nhận nếu bị kỷ luật buộc thôi việc trước khi thực hiện đủ thời gian cam kết hoặc nếu văn bằng làm căn cứ hưởng hỗ trợ bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ hoặc xác định là không hợp pháp;

b) Hoàn trả theo tỷ lệ thời gian cam kết chưa thực hiện nếu tự ý bỏ việc, xin thôi việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc hoặc vì lý do cá nhân khác không thực hiện đủ thời gian công tác đã cam kết. Số tiền hoàn trả được tính theo công thức sau:

$$S = F \times (T1 - T2)/T1$$

Trong đó:

S là số tiền phải hoàn trả;

F là số tiền hỗ trợ đã nhận theo quy định tại Điều 6 Quy định này;

T1 là thời gian cam kết công tác, được tính bằng số tháng;

T2 là thời gian đã công tác kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp, được tính bằng số tháng; số ngày lẻ từ 15 ngày trở lên được tính là 01 tháng, dưới 15 ngày thì không tính.

2. Không phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ trong các trường hợp sau:

a) Được cấp có thẩm quyền quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển công tác đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mới được tính vào thời gian cam kết;

b) Được cấp có thẩm quyền quyết định điều động, luân chuyển đến cơ quan, tổ chức ngoài phạm vi quản lý của tỉnh theo yêu cầu nhiệm vụ;

c) Nghỉ hưu theo quy định của pháp luật, thôi việc theo chính sách tinh giản biên chế hoặc chính sách đối với người dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

d) Chết, bị Tòa án tuyên bố là đã chết hoặc bị Tòa án tuyên bố mất tích.

3. Trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo; bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp bất khả kháng khác dẫn đến không còn khả năng tiếp tục công tác, có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh (đối với trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo) hoặc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (đối với trường hợp bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp bất khả kháng khác), thì được miễn hoàn trả; người đứng đầu cơ quan, đơn vị đã chi trả kinh phí hỗ trợ quyết định việc miễn hoàn trả.

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị đã chi trả kinh phí hỗ trợ căn cứ hồ sơ, tài liệu và quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này quyết định việc hoàn trả kinh phí hỗ trợ theo thẩm quyền, sau khi thông báo và xem xét ý kiến giải trình của người phải hoàn trả. Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoàn trả, người phải hoàn trả có trách nhiệm nộp đủ số tiền phải hoàn trả cho cơ quan, đơn vị đã chi trả kinh phí hỗ trợ.

5. Cơ quan, đơn vị nhận kinh phí hoàn trả có trách nhiệm nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định. Trường hợp quá thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này mà người phải hoàn trả không thực hiện, cơ quan, đơn vị xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp cơ quan, đơn vị đã chi trả kinh phí hỗ trợ đã giải thể, sáp nhập, hợp nhất hoặc chuyển đổi thì cơ quan, đơn vị tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ hoặc cơ quan, đơn vị đang quản lý người phải hoàn trả thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 4 và khoản này.

Điều 8. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo theo quy định tại Chương II Quy định này do ngân sách cấp tỉnh bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm đề nghị hỗ trợ; đối với đơn vị sự nghiệp công lập, kinh phí này được giao là kinh phí không giao tự chủ, không tính vào phần chi thường xuyên của đơn vị tự bảo đảm. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã, ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã để thực hiện. Trường hợp dự toán được giao chưa đủ, cơ quan, tổ chức, đơn vị tổng hợp nhu cầu, đề nghị cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán theo quy định. Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chương III

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SINH HOẠT PHÍ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC CỬ ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NGUYỄN VĂN LINH

Điều 9. Đối tượng được hỗ trợ

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được cấp có thẩm quyền cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh (sau đây gọi là Trường) theo kế hoạch được phê duyệt, thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Được cử đi đào tạo trình độ trung cấp lý luận chính trị, gồm cả hệ tập trung và hệ không tập trung.

2. Là cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và cán bộ của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, được cử tham gia các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, kỹ năng nghiệp vụ, kiến thức và kỹ năng lãnh đạo, quản lý theo chức năng, nhiệm vụ của Trường và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được giao.

Điều 10. Trường hợp không được hỗ trợ

1. Cán bộ, công chức, viên chức học cao cấp lý luận chính trị.

2. Học viên các lớp bồi dưỡng có thời gian học từ 10 ngày trở lên theo chương trình, kế hoạch được phê duyệt; khoản này không áp dụng đối với lớp trung cấp lý luận chính trị quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy định này.

Điều 11. Điều kiện hưởng hỗ trợ

Học viên được hưởng hỗ trợ khi thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 Quy định này, không thuộc trường hợp quy định tại Điều 10 Quy định này và có mặt học tập theo lịch học chính thức của lớp.

Điều 12. Nội dung, mức hỗ trợ và cách tính

1. Nội dung hỗ trợ: một phần chi phí ăn, sinh hoạt của học viên trong thời gian tham gia khóa học tại Trường.

2. Mức hỗ trợ: 50.000 đồng/người/ngày học thực tế.

3. Số tiền hỗ trợ của mỗi học viên được xác định theo công thức:

Số tiền hỗ trợ = 50.000 đồng × số ngày học thực tế.

4. Số ngày được hỗ trợ là số ngày học thực tế theo lịch học chính thức của lớp, được Trường xác nhận.

5. Trường hợp đã được cơ quan cử đi học chi tiền ăn hoặc được hưởng khoản hỗ trợ tương tự theo chính sách khác cho cùng ngày học thì chỉ được hỗ trợ phần chênh lệch giữa mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này với khoản đã được chi hoặc được hưởng (nếu có).

Điều 13. Hoàn trả kinh phí hỗ trợ

1. Học viên lớp trung cấp lý luận chính trị tự ý bỏ học hoặc không hoàn thành chương trình theo quy định phải hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ đã nhận, trừ trường hợp bất khả kháng có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc

trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép thôi học vì lý do chính đáng. Thời hạn hoàn trả là 120 ngày, kể từ ngày học viên nhận được thông báo hoàn trả của Trường.

2. Trường có trách nhiệm xác định trường hợp phải hoàn trả, thông báo cho học viên và cơ quan cử đi học; thu hồi và nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định; trường hợp học viên không hoàn trả đúng thời hạn thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Kinh phí và trách nhiệm thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Chương này do ngân sách cấp tỉnh bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm giao cho Trường và là kinh phí không giao tự chủ, ngoài kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ theo phương án tự chủ tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hằng năm, căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền giao, số lượng học viên thuộc diện được hỗ trợ và mức hỗ trợ quy định tại Điều 12 Quy định này, Trường lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách, tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm của Trường, gửi Văn phòng Tỉnh ủy và Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định, giao dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Trường chịu trách nhiệm chi trả đúng đối tượng, đúng số ngày học thực tế; lập danh sách học viên theo từng lớp, xác nhận thời gian học thực tế, công khai danh sách được hỗ trợ; quản lý, sử dụng, tổng hợp và quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Cơ quan cử cán bộ, công chức, viên chức đi học gửi quyết định hoặc văn bản cử đi học đến Trường trước khi khai giảng lớp, trong đó nêu rõ khoản tiền ăn hoặc khoản hỗ trợ tương tự mà cơ quan chi cho học viên trong thời gian học (nếu có).

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xét duyệt, chi trả và hoàn trả kinh phí hỗ trợ theo Quy định này.

2. Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm xác định đúng đối tượng, điều kiện hưởng hỗ trợ; chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh sách, đối tượng, điều kiện và hồ sơ đề nghị hỗ trợ; theo dõi việc thực hiện cam kết và thông báo cho cơ quan, đơn vị đã chi trả kinh phí hỗ trợ khi phát sinh trường hợp phải hoàn trả. Cơ quan, đơn vị đã chi trả kinh

phí hỗ trợ tổ chức thu hồi kinh phí theo quyết định hoàn trả quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy định này.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 16. Quy định chuyển tiếp

1. Cán bộ, công chức, viên chức đã được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi đào tạo trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và thuộc đối tượng hỗ trợ theo Nghị quyết số 539/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên, nếu đã được cấp bằng tốt nghiệp nhưng chưa được chi trả hoặc được cấp bằng tốt nghiệp kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được hưởng mức hỗ trợ quy định tại Điều 6 Quy định này; điều kiện hưởng hỗ trợ và thời gian cam kết thực hiện theo Nghị quyết số 539/2024/NQ-HĐND và bản cam kết đã xác lập; việc hoàn trả kinh phí thực hiện theo Điều 7 Quy định này. Trường hợp đã nhận kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 539/2024/NQ-HĐND trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện cam kết và hoàn trả kinh phí (nếu có) theo Nghị quyết số 539/2024/NQ-HĐND và bản cam kết đã xác lập.

2. Viên chức được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi đào tạo trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến trước ngày 09 tháng 12 năm 2025 và thuộc đối tượng hỗ trợ đào tạo theo Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo và thu hút nguồn nhân lực y tế tỉnh Thái Bình giai đoạn 2025-2030 (đã bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 807/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên), nếu chưa được hưởng hỗ trợ thì điều kiện hưởng hỗ trợ thực hiện theo Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND và được hỗ trợ như sau:

a) Đối với đào tạo sau đại học: được hưởng mức hỗ trợ quy định tại Điều 6 Quy định này nếu có văn bản cam kết bổ sung để tổng thời gian cam kết bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định này; trường hợp không cam kết bổ sung thì được hưởng mức hỗ trợ và thực hiện cam kết theo Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND;

b) Đối với đào tạo đại học và đào tạo chuyển giao phẫu thuật, thủ thuật loại đặc biệt: được hưởng mức hỗ trợ và thực hiện cam kết theo Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND;

c) Việc hoàn trả kinh phí hỗ trợ đối với trường hợp tiếp tục hưởng chính sách theo Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND. Trường

hợp lựa chọn hưởng mức hỗ trợ mới theo điểm a khoản này thì việc hoàn trả kinh phí hỗ trợ thực hiện theo Điều 7 Quy định này.

3. Viên chức đã nhận kinh phí hỗ trợ đào tạo theo Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND thì tiếp tục thực hiện cam kết, đền bù, hoàn trả kinh phí (nếu có) theo Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND và bản cam kết đã xác lập.

4. Đối với chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí tại Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh: các lớp đã khai giảng trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành được tính hỗ trợ theo Chương III Quy định này đối với số ngày học thực tế còn lại kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.